

THÔNG BÁO

Chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non Năm học 2024-2025

STT	NỘI DUNG	NHÀ TRẺ	MẪU GIÁO
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	100%	100%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	100%	100%
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	100%	100%
IV	hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	100%	100%

TP. Nam Định, ngày 01 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Thị Thanh Huyền

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TRƯỜNG MẦM NON HOA MAI

THÔNG BÁO

Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	238			32	60	58	84
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	238			32	60	58	84
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	238			32	60	58	84
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	238			32	60	58	84
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	238			32	60	58	84
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em	238			32	60	58	84
1	Số trẻ cân nặng bình thường	232			32	58	58	80
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	2				1		1
3	Số trẻ có chiều cao bình thường							
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	3						3

5	Số trẻ thừa cân béo phì	1				1		
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	238			32	60	58	84
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	32			32			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	206				60	58	84

TP. Nam Định, ngày 01 tháng 6 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Thị Thanh Huyền

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TRƯỜNG MẦM NON HOA MAI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non
Năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng		<i>Số m²/trẻ em</i>
II	Loại phòng học	12	-
1	Phòng học kiên cố	12	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m²)	2757,2	
V	Tổng diện tích sân chơi (m²)	1509	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	840	<i>3.1 m²</i>
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)		
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	168	<i>0.6m²</i>
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	98	<i>0.4m²</i>
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m²)</i>	0	<i>Sử dụng chung</i>
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m²)</i>	60	<i>Sử dụng chung</i>
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	180	<i>0.7m²</i>
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	12	<i>Số bộ 12/12 nhóm (lớp)</i>
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	7	<i>Số bộ 7/12 nhóm (lớp)</i>
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	5	<i>Số bộ 5/12 nhóm (lớp)</i>
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	cơ sở 1: 7 bộ cơ sở 2: 5 bộ	<i>Số bộ 12 / 2 sân chơi (trường)</i>
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang	3 máy tính	

	được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	1 máy chiếu 07 tivi 1 bộ loa đài	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		<i>Số thiết bị/nhóm (lớp)</i>
1	...		

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m²/trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	3		13		0.6 m ²
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..		

TP, Nam Định ngày 01 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)



Trần Thị Thanh Huyền

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TRƯỜNG MẦM NON HOA MAI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2024 - 2025

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				Ghi chú
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	36			25	4		7		24	5	12	10	3	
I	Giáo viên	25			20	4				23	2	12	10	3	
1	Nhà trẻ	4			4					4		3	1		
2	Mẫu giáo	21			17	4				19	2	9	9	3	
II	Cán bộ quản lý	3			3						3		3		
1	Hiệu trưởng	1			1						1		1		
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2		2		
III	Nhân viên	7					7								
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1				1				1					

3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên khác (nhân viên dinh dưỡng và bảo vệ)	7						7							

TP, Nam Định ngày 01 tháng 06 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



Trần Thị Thanh Huyền

